

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MIỀN TRUNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 688/TBĐG-CTMT

Quảng Trị, ngày 15 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

**Đấu giá Quyền sử dụng đất của 34 thửa đất ở thuộc dự án Cơ sở hạ tầng
Khu Tái định cư Lao Bảo - Tân Thành**

Thực hiện Hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất số 04/2025/HĐĐG ngày 08/9/2025 giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị và Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung về việc đấu giá cuộc 2: Quyền sử dụng đất của **34** thửa đất ở thuộc dự án Cơ sở hạ tầng Khu Tái định cư Lao Bảo - Tân Thành, Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung thông báo đấu giá quyền sử dụng đất như sau:

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung

Địa chỉ: Đường Trần Nhật Duật, Khu phố Tây Trì, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.

2. Đơn vị có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ: Số 09 Lê Quý Đôn, Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

3. Tên, số lượng, chất lượng đặc điểm, nơi có tài sản đấu giá và giấy tờ sở hữu tài sản:

- Tên, số lượng tài sản: Quyền sử dụng đất của **34** thửa đất ở thuộc dự án Cơ sở hạ tầng Khu Tái định cư Lao Bảo - Tân Thành.

- Địa chỉ: Xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị;

- Tổng diện tích: **8.164 m²**;

- Tổng giá khởi điểm: **9.176.685.000** đồng (bằng chữ: Chín tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Hạ tầng kỹ thuật: Các thửa đất đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

- Tài sản gắn liền thửa đất: Không.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Chi tiết tài sản có Phụ lục Danh mục tài sản đấu giá (kèm theo).

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Từ 07 giờ 30 phút ngày 24/9/2025 đến 17 giờ 30 phút ngày 26/9/2025 tại



địa chỉ có tài sản nói trên (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

***Lưu ý:** Những khách hàng không có nhu cầu đi xem tài sản phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng, thông tin khác liên quan đến tài sản đấu giá và không có quyền khiếu kiện, khiếu nại sau này.

5. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

Từ 07 giờ 30 phút ngày 16/9/2025 đến 17 giờ 30 phút ngày 01/10/2025 (trong giờ hành chính các ngày làm việc), cụ thể:

- Từ 07 giờ 30 phút ngày 16/9/2025 đến 17 giờ 30 phút ngày 01/10/2025 tại trụ sở Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung.

- Từ 07 giờ 30 phút ngày 30/9/2025 đến 17 giờ 30 phút ngày 01/10/2025 tại Ngân hàng Vietinbank PGD Lao Bảo (Số 04 Nguyễn Huệ, Xã Lao Bảo, Tỉnh Quảng Trị).

6. Giá khởi điểm:

Từ 223.930.000 đồng/01 lô đất đến 489.720.000 đồng/01 lô đất.

(Chi tiết từng lô xem Phụ lục đính kèm)

7. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: (không hoàn lại)

Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 100.000 đồng/01 hồ sơ tham gia.

8. Tiền đặt trước:

8.1. Tiền đặt trước: **40.000.000 đồng**/01 lô/01 hồ sơ tham gia.

8.2. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước:

- Từ 07 giờ 30 phút ngày 16/9/2025 đến 17 giờ 30 phút ngày 01/10/2025 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

- Nộp vào tài khoản số: **118000089401** tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Quảng Trị. Tên TK: Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung.

9. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

9.1. Điều kiện đăng ký:

- Các cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất quy định tại Điều 119 của Luật Đất đai 2024, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng tài chính, sử dụng đất đúng mục đích, quy hoạch của nhà nước, tự nguyện nộp hồ sơ đăng ký, hiểu và chấp nhận các quy định tại Quy chế cuộc đấu giá và các quy định pháp luật có liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất, có CC/CCCD trong thời hạn sử dụng, nếu thực hiện theo ủy quyền phải có văn bản ủy quyền hợp pháp.

- Người tham gia đấu giá là người thành niên và không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

9.2. Cách thức đăng ký:

- Mua hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, điền đầy đủ thông tin vào phiếu đăng ký tham gia đấu giá, phiếu trả giá, nộp tiền đặt trước. (Chi tiết có tại Quy chế cuộc đấu giá).

- Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá phải được cho vào phong bì do Công ty đấu giá phát hành tự niêm phong bằng cách dán kín, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu. Hồ sơ tham gia đấu giá được gửi qua đường bưu chính hoặc được nộp cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu phải được niêm phong ngay khi hết thời hạn nhận phiếu.

10. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá (công bố giá):

- Thời gian: Bắt đầu vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 04/10/2025 (thứ bảy).
- Địa điểm: Hội trường Nhà hàng Bảo Cường; Số 01 Trần Phú, Xã Lao Bảo, Tỉnh Quảng Trị.

11. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp.
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

12. Thông tin chi tiết xin liên hệ:

- Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung, số điện thoại: 0233.3.565.379;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị, số điện thoại: 0233.3.555.837;
- Phòng Kỹ thuật và Quản lý quỹ đất, số điện thoại: 02333.560.660 để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- TTPT QĐ tỉnh Quảng Trị (để n.yết, lưu HS);
- UBND xã Lao Bảo (để niêm yết);
- Vietinbank PGD Lao Bảo – Quảng Trị (để n.yết, lưu HS);
- Báo Quảng Trị (đăng ngày 16/9/2025);
- Cổng ĐGTS quốc gia (đăng ngày 16/9 & 19/9/2025);
- Công ty đấu giá (để niêm yết);
- Trang web: daugiahopdanhmientrung.vn;
- Lưu: VT, HSĐG.

GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Phương



PHỤ LỤC
DANH SÁCH TÀI SẢN ĐẦU GIÁ

(Kèm theo Thông báo đấu giá số 688/TBĐG-CTMT ngày 15 tháng 9 năm 2025)

TT	Khu vực	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Tên đường, mặt cắt
1	D	1	318	489.720.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mc 21,25m & đường nhựa có mc 16,5m
2	D	2	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
3	D	3	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
4	D	4	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
5	D	5	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
6	D	6	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
7	D	7	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
8	D	8	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
9	D	9	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
10	D	10	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
11	D	11	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
12	D	12	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
13	D	13	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
14	D	14	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
15	D	15	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
16	D	16	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
17	D	17	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m

TT	Khu vực	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Tên đường, mặt cắt
18	D	18	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
19	D	19	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
20	D	20	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
21	D	21	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
22	D	22	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
23	D	23	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
24	D	24	285	312.550.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
25	D	25	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
26	D	26	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
27	D	27	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
28	D	28	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
29	D	29	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
30	D	30	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
31	D	31	240	263.200.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
32	D	32	233	293.755.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mc 21,25m & đường nhựa có mc 16,5m
33	D	33	184	223.930.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 16,5m
34	D	34	184	223.930.000	40.000.000	100.000	Đường nhựa có mặt cắt 16,5m
Tổng		34 lô	8.164	9.176.685.000			

TT	Khu vực	Ký hiệu lô theo quy hoạch	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Số tiền đất trước (đồng)	Tên đường, mặt cắt
1	D	1	26	490	318	489.720.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m & đường nhựa có mặt cắt 16,5m
2	D	2	26	491	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
3	D	3	26	492	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
4	D	4	26	493	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
5	D	5	26	494	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
6	D	6	26	495	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
7	D	7	26	496	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
8	D	8	26	497	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
9	D	9	26	498	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
10	D	10	26	499	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
11	D	11	26	500	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
12	D	12	26	501	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
13	D	13	26	502	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
14	D	14	26	503	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
15	D	15	26	504	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
16	D	16	26	505	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
17	D	17	26	506	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
18	D	18	26	507	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
19	D	19	26	508	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
20	D	20	26	509	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
21	D	21	26	510	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
22	D	22	26	511	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
23	D	23	28	512	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
24	D	24	26	513	285	312.550.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
25	D	25	26	514	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
26	D	26	26	515	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
27	D	27	26	516	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
28	D	28	26	517	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
29	D	29	27	29	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
30	D	30	27	30	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
31	D	31	27	31	240	263.200.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m
32	D	32	27	32	233	293.755.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 21,25m & đường nhựa có mặt cắt 16,5m
33	D	33	26	489	184	223.930.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 16,5m
34	D	34	26	488	184	223.930.000	40.000.000	Đường nhựa có mặt cắt 16,5m

SƠ ĐỒ ĐẦU GIÁ CUỘC 2

34 THỬA ĐẤT TẠI KHU TÁI ĐỊNH CƯ LAO BẢO TÂN THÀNH GIAI ĐOẠN 2

ĐỊA CHỈ: XÃ LAO BẢO, TỈNH QUẢNG TRỊ



